43-C-202

2025012

43-E-232

2025 10

43-C-202

2025012 2025 10 23 01EN25015D-0001-EQ-P10-002

43-C-202 43-E-232

2.1

2.2

3.1

				kg/hr		MW	
1	43-E-232		1	306030	1000000	32.4	

3.2

43-E-232

01EN25015D-0010-PR-04-43E232 “ ”

MPaG)	2.0/FV@151	2.5/FV@120
( )	210	150
	PX TX	
(mm)	3	3
	Q345R S30403 8 Ra 0.8μm	
	20	

1

TSG 21-2016 2.1.2

a) 1.5mm

b) NB/T47019 GB/151

c) 20MPa 10

d) 8 Ra 0.8μm

a) NB/T47008-47010

b) NB/T47013 100% I

20%

3.3

3.3.1

3.3.2

3.3.3

TSG 21-2016

GB/T 150.1~4-2024

GB/T 151-2014

NB/T 10938-2022

GB/T 713.2-2023 2

GB/T 8163-2018

GB/T 9948-2013

GB/T 13296-2023

GB/T 25198-2023

GB/T 4732.1~6-2024

NB/T 10558-2021

NB/T 47013.1~13

NB/T 47014-2023

NB/T 47015-2023

NB/T 47016-2023

NB/T 47008-2017

NB/T 47010-2017

NB/T 47019

NB/T 47020~47027-2012

3.4

3.4.1

PDF

3.4.2 01EN25015D-0001-EQ-P10-002

3.4.3

3.4.4

3.4.5

3.4.6

3.4.7 0.05MPa

3.4.8

3.4.9

3.4.10

3.4.11

3.4.12

b)

c)

d)

e)

f)

g) 0.05MPa

h) “

”

3.6.5

	15	1 +1 PDF
	15	3 +1
	15	3 +1
	15	3 +1
(ITP)	15	3 +1
WPS PQR	15	3 +1
		3 +1
	15	3 +1
	15	4 +1
	1.5	4 +1
		1
	10	3 +1
		1
( )		8 +1

4.1

4.2

( )

4.3

4.3.1

4.3.2

4.3.3

4.4

4.4.1

a)

b)

c)

d)

4.4.2

a)

b)

4.4.3

a)

b)

c)

e)

f)

g)

h)

i)

j)

k)

l)

m)

n)

o)

p)

q) “ ” www.creditchina.gov.cn

r)

s)

	( ) ( ) ( )	

1

2 01EN25015D-0001-EQ-P10-002

1

1

43-C-202

2025012 2025 10 23 01EN25015D-0001-EQ-P10-002

43-C-202

43-E-232

2

3

3.1

3.2

4

4.1

4.1.1

4.1.2 D

4.2

4.2.1

4.2.2 2022 1 1

3

≥2800mm

4.3

8 Ra 0.8 μm

4.4

4.5

4.6

( )

4.7

1)

2)

3)

4)

5)

6)

7)

8)

9)

10)

11)

12)

13)

14)

15)

16) “ ” www.creditchina.gov.cn

17)

18)

5

5.1 2026 06 10

5.2

5.3 84 PX

5.4 15

6

	CHINA KUNLUN CONTRACTING & ENGINEERING CORP			PROJECT		
				UNIT	2025	
F.APPR.		DISCIP			DOC.NO.	01EN25015D-0001-EQ-P10-002
APPR.		PHASE				
CHKD.		REV.	0			1 / 20
DESIGN		DATE	2025.10.23			SHEET 1 OF 20

2025

/

2025012-43-EQ-ITB-0002

CHECKED	DISCIP.	工艺					
	SIGN	[redacted]					
	DATE	2025.10.23					

1 ↕

2

3

4 à

5

6

7

8

9

10 à

11 Ð

12 ˗ Ь Ƶ ˗

13

14 Ь

15 Ð

Ð ˋ à

Ð ˋ à

Ð Ƶ Ð

Ð Ð

4.1 Ð à ì ч Â

4.2 ì Ь ˛ h Â

4.3 Ð h Ь Й Â

Ղ

ˆ 1˜ ظظ à

ˆ 2˜ ظ Ғ ɒ

ˆ 3˜

ˆ 4˜ à

ˆ 5˜ à

ї Ь ɒ

Â ї Ь à ˫ Ңˍ Â

Ь ɒ à Ь Ь ↕

Â

5.2

5.2.1

№ ѓ ۷ ˜ ظ ظ

à à ,

à ˫ Â

5.2.2

ѓ ˍ Ь ,

ѓ ˫ à Ƣ à ,

5.2.3

ї à à

Â ї ä à ä

Â

˫ Ңˍ à ɒ ä˝

Â

à Â

5.2.4

ɒ ɒ ظ Â

ظ ѓ ɒ ˫ Ь

à Ь Â Ƣ

Ч à à Ҳ ¬ h

Đ à Ѵ Â

5.3

5.3.1

Đ ↕ ү Ь Ч ї

à à à à à ,

à ┐ à à ¬ à ,

Ь Ь

Ь à Ч Ŋ

Â ,

h Ь ┐ Đ

Â

5.3.2

Н Đ

┐ ↕ Ч Đ Â

Đ Ŋ

^ Đ ~ Â

6

ї Đ Ь ї / Đ

Đ 2Â

7

7.1

à à طي

Â

7.2

↨ Â

Â

7.3

7.3.1 ↕

ɒ à ط ط

Â

7.3.2

ㄱ

Â

ь à à ỉ ɒ ỉ ɒ ь

Â

7.3.3

ч ↕ Â à ㄱ

Â

ь à à β ;,;: Â

ч 3 , ғ ь 100mm Â

7.3.4

ط , Â

0 ʁ;,;: ь ʻP ỉ Â

7.3.5 ỉ

Ʊ Â

8

8.1 ط à ɒ Â

8.2 -¨ ê Ì^ TSG 21-2016˜

2.1.2 Â

8.3

a) GB/T 13296-2023 ê à ь Ì

^ ˜ ь Â

b) NB/T 47019 ê à ð Ì

GB/ 151 Ň Â Ň

ч Â

c) ч 20MPa Þ 10 Â

Й Þ Â

8.4

a) ð Þ ط ð Þ ʏ ’n

NB/T 47008 47010 Â

b) Þ Ƶ NB/T 47013 100% I Â

8.5 ð à ð à à ð à 0

0 ð Â

9

9.1

9.1.1 0 ð ð à à

Â

9.1.2 à à à

ð Â

9.1.3 à à ð à

Þ

à Þ ð Â

9.2 Ƶ

9.2.1 ð Ƶ à

Ƶ Â

9.2.2 ð Ƶ

Â

9.2.3 Ð β à β à

à à Ղ Â

Â

9.2.4 ÷ ÷ ÷

ч Ь ғ Ь Â Ь

÷ Ь Â÷ β Ʊ

Â

9.2.5 Ƶ Ң Ʊ Ң 1

Â

9.3

9.3.1 à Ƶ Ð à à

ì Â à à

Â

9.3.2 Ь ɣ Â

9.4

9.4.1 à à

Â

9.4.2

℗ Ð Â

9.4.3 Ь Â

10 à

10.1

10.1.1 ˆ ˜ à ɣ Â

Й Ь ‘

a) Ь ’

b) ’

c) ÷ ’

d) à ’

e) à Ь ғ ’

10.1.2 Ƶ Ь Â

10.1.3

Â

10.1.4 ظِ Ӣ Â

10.1.5 ̇ ̓ ̀ Â

10.2

10.2.1 Â

10.2.2 Ң ̀ ̇ Â

10.2.3 ˆ ˜ à Ð Ƣ № Â

10.2.4 Ð ̓ Ղ

Ƣ‑ Â

10.2.5 ч 1 Â ̇

Â

10.2.6 Â

10.2.7 ч Â

11 Ð

11.1 Ð

11.1.1 ↕

Ð ظِ Ղ à ‑ à ‑ à β‑ Ղ

Â

11.1.2 Ӣ Ð Ӣ ‘

Е ˆ ˜

ˆ à ˜

Ь à à Ղ

^ Đ ~

^ Đ ~

طي^ ~

^ ~

^ ~

à à Đ

Đ ^ ~

à

à ĺ Đ ^ ~

№

ĺ

11.1.3 E Й № E '

à à Đ

Đ^ ~

ĺ Đ^ ~

¬ ^ ~

11.2 Ƶ Đ

11.2.1 طي à l' Ƶ Đ Ŀ^ Đ ~

Â

11.2.2 Đ طي Â

11.3 Đ

11.3.1 l' Đ Ŀ^ Đ ~ طي Đ Â

11.3.2 Đ ' Đ ^ ~ '

Â Đ ч طي

Â

11.3.3 Đ ' Ƶ Â

12 ¬ Ь Ƶ ¬

12.1

12.1.1 Ɯ

Ƣ Ƶ ˮ Ƣ Ɯ

Â ĺ Â

12.1.2

Â

Â

Ь

ч Â Ð Й̨

Â ¬

¬ Â

Â Ʊ ғ Â ỉ

Â

12.2

Â

12.3 Ƶ ¬

Ð ,

h ¬ ,

Ő

0 ï Â

à Â

13.3

Ø

Â

13.4 h

-¨				
1	h à			
2			Ð	
3				
4				
5				/
6				

14 Ł

à ¯ Â

à ¯ ¯ Â

15 Ð

Ð 1ʻ ã

-¤	Ð Ղ					

Ղ ʻ ʻ

ʻ

ʻ

1. ỉ E Þ Â
2. Þ Ð Ջ Þ 0 ỉ E Ð F Þ Þ 0

0 Â

3. Ⱦ 0 ٦ Ð Â

Đ 2ˇ ầ

1.

-¨			
1		(X)	
2		(X)	
3		(X)	
4	ầ ˆ ~	(X)	
5	ˆ ~	(X)	
6	Ḥ ỉ ầ ˆ ~	(X)	
7	Ḥ ỉ ầ ˆ ~	(X)	
8	ầ ˆ ~	(X)	
9	Ḥ ầ ˆ ~	(X)	
10	ầ ˥ˆ ~	(X)	
11	Đˆ ầ ầ ˥ ầ ầ Đ ˜ ˆ ~	(X)	
12	ˆ ~	(X)	
13	β Đˆ ~	(X)	
14	ˆ ~ ˆ	(X)	
15	ťˇ Đˆ ~	(X)	
16	ˆ ~	(X)	
17	ˆ ~	(X)	
18	ầ ầ Đ	(X)*	
19	Đ	(X)*	
20	ˆ ~	(X)	
21	ỉ طي Đ Đ	(X)	
22	ầ ầ Đ	(X)	

2. (X) ’ -¨ l’ * Ł E № E Â

3. Đ E Đ

4. Đ Đ Â

2.

-¨			
1	(à طِي Đ طِي ¬ Đ)	(X)	
2		(X)	
3		(X)	
4		(X)	
5		(X)	
6		(X)	
7	^ ~	(X)	
8	(/ Ь)	(X)	
9	( )	(X)	
10	( )	(X)	
11	E ( )	(X)	
12	Đ	(X)	
13	^ ~	(X)	
14	Đ	(X)	

3. à à Ð Ғ ĺ

-ш	Ղ		β		
1	à Ң			100%	
2	Ң			100%	
3	Ң ь				Ձ 10% 4
4	Ғ ĺ				

1ʻ à à Ð Ғ ĺ е Ձ е Â

2ʻ Ð Ð Ғ ĺ

ì Â ĺ Â

4. ң Ð Ғ ĺ

-ш	Ղ		β		
1	à Ң			100%	
2	Ң			100%	
3	Ң ь				Ձ 10% 4

1ʻ ң Ð Ғ ĺ е Â

Đ 3: Χ Đ

-"	
	ي ط ي ط ي Đ ي ط ~ ٦ PDF
	№
	(ITP)
	WPS PQR
	ầ ầ Ң Đ
	ầ ầ
	ầ ầ

Ð 4: Ð

-¨	
	ظطي ظطي Ð ظطي~
	ầ ầ Ң Ð
	΄Y
	^ ~
	ὶ

中国昆仑工程有限公司
CHINA KUNLUN CONTRACTING & ENGINEERING CO., LTD.